

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ THUẬN AN
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 136/2024/LĐ-ST

Ngày: 12 - 8 - 2024

V/v: “Tranh chấp hợp đồng lao
động vô hiệu”.

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ THUẬN AN, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Anh Thi.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Thu - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

2. Bà Phạm Thị Thu Yến - Nguyên Trưởng Phòng Lao động thương binh và Xã hội thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sao Mai - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa: Bà Mai Thị Năm - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án lao động thụ lý số 121/2024/TLST-LĐ ngày 15 tháng 5 năm 2024 về việc: “Tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 98/2024/QĐXXST-LĐ ngày 24 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1985; Nơi thường trú: D, khu phố B, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Bị đơn: Công ty TNHH S; Trụ sở: Số F, đường B, KCN V - S, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Bà Nguyễn Thị Ngọc T1; Nơi cư trú: 74/4 khu phố L, phường L, thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

+ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương. Có đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 19/01/2024, quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Phạm Thị T trình bày:

Vì có nhu cầu cập nhật lại thông tin trong căn cước công dân, bà T đến liên hệ Bảo hiểm xã hội thành phố T, tỉnh Bình Dương thì được biết thời gian từ tháng 06 năm

2005 đến tháng 05 năm 2007 bà T có ký hợp đồng với Công ty TNHH S và có tham gia bảo hiểm. Tuy nhiên, thực tế thời gian trên bà T đang làm việc tại Công ty khác. Trước đó, bà T có ở trọ chung và cho bà Nguyễn Thị Ngọc T1 mượn Giấy chứng minh nhân dân của bà T để ký hợp đồng, làm việc tại Công ty TNHH S.

Do đó, bà T khởi kiện yêu cầu: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Phạm Thị T (do bà Nguyễn Thị Ngọc T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoản thời gian từ tháng 06 năm 2005 đến tháng 05 năm 2007 vô hiệu.

- Theo bản tự khai, quá trình tố tụng, người đại diện hợp pháp của bị đơn Công ty TNHH S trình bày:

Bị đơn đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

- Theo bản tự khai, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị Ngọc T1 trình bày:

Do bà T1 bị mất giấy tờ tùy thân nên bà có mượn Giấy chứng minh nhân dân của bà T để ký hợp đồng, làm việc tại Công ty TNHH S và có tham gia bảo hiểm xã hội, lúc này bà T đang làm việc tại một công ty khác. Bà T1 đồng ý yêu cầu khởi kiện của bà T: Tuyên hợp đồng lao động ký kết giữa người lao động có tên Phạm Thị T (do bà Nguyễn Thị Ngọc T1 là người ký kết) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH S trong khoản thời gian từ tháng 06 năm 2005 đến tháng 05 năm 2007 là vô hiệu.

- Theo văn bản của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội thành phố T trình bày:

Công ty TNHH S có đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp cho bà Phạm Thị T, sinh năm 1985, số chứng minh nhân dân 280824326, mã số Bảo hiểm xã hội 9105076668 từ tháng 06 năm 2005 đến tháng 05 năm 2007, đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định.

Tại phiên tòa:

Kiểm sát viên tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án và nội dung giải quyết vụ án:

Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục được pháp luật quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa sơ thẩm, các đương sự đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo qui định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn đối với bị đơn về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Các đương sự trong vụ án đều có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt là tự nguyện, đúng pháp luật, áp dụng các Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung vụ án:

Các bên đương sự không cung cấp được Hợp đồng lao động đã ký kết. Tuy nhiên, các đương sự đều thống nhất có việc giao kết hợp đồng và tham gia đóng bảo hiểm tại Bảo hiểm xã hội thành phố T. Sự thừa nhận của các đương sự là tình tiết không phải chứng minh theo quy định tại khoản 2 Điều 92 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì thấy rằng:

Theo trình bày của các đương sự và các chứng cứ, tài liệu trong hồ sơ thể hiện thì bà Nguyễn Thị Ngọc T1 có dùng Giấy chứng minh nhân thân của bà Phạm Thị T để ký kết hợp đồng lao động với bị đơn từ tháng 06 năm 2005 đến tháng 05 năm 2007, được bị đơn đóng Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp, Bảo hiểm tai nạn lao động – Bệnh nghề nghiệp tại Bảo hiểm xã hội thành phố T với mã số BHXH: 9105076668.

Việc bà T1 sử dụng thông tin trong chứng minh nhân dân của bà T để giao kết hợp đồng lao động với bị đơn là không đúng chủ thể xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động được quy định tại Điều 17 của Bộ luật Lao động năm 1994 (Điều 15 Bộ luật Lao động năm 2019). Căn cứ Điều 132 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 127 Bộ luật dân sự năm 2015) thì yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và sự thống nhất của bị đơn, của những người có quyền, nghĩa vụ liên quan là có căn cứ.

Do nguyên đơn chỉ yêu cầu tuyên bố hợp đồng vô hiệu, không yêu cầu giải quyết hậu quả của hợp đồng vô hiệu và quyền lợi của bà Nguyễn Thị Ngọc T1 cũng không có yêu cầu nên không xem xét.

[3] Quan điểm của vị đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa là có căn cứ nên chấp nhận.

[4] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn Công ty TNHH S phải chịu án phí lao động sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 32; Điểm c khoản 1 Điều 35; Điểm a khoản 1 Điều 39; Các Điều 147, 227, 228, 238 của Bộ luật tố tụng Dân sự năm 2015. - Các Điều 122, 132, 137 của Bộ luật Dân sự năm 2005 (Các Điều 117, 122, 127, 131 của Bộ luật Dân sự năm 2015). - Các Điều 17, 50, 51 và 52 của Bộ luật Lao động năm 1994 (các Điều 15, 49, 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019). - Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Phạm Thị T về việc “Tranh chấp hợp đồng lao động vô hiệu” với bị đơn Công ty TNHH S.

1.1 Tuyên bố Hợp đồng lao động giao kết giữa bà Phạm Thị T và Công ty TNHH S từ tháng 06 năm 2005 đến tháng 05 năm 2007 vô hiệu.

1.2 Về hậu quả của Hợp đồng lao động vô hiệu: Bảo hiểm xã hội thành phố T thực hiện các chế độ bảo hiểm xã hội đối với bà Phạm Thị T theo quy định.

2. Về án phí: Công ty TNHH S phải chịu 300.000 đồng tiền án phí lao động sơ thẩm.

Hoàn trả cho bà Phạm Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo Biên lai thu tiền số 0001949 ngày 26/4/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Thuận An, tỉnh Bình Dương.

3. Về quyền kháng cáo:

Nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt được quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được Bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết theo quy định.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND Tp. Thuận An;
- CCTHADS Tp. Thuận An;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, VT.

Phạm Anh Thi

